TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 93/2019/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 14 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1985;

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1981;

Các đương sự đều trú tại: Khu 14, thị trấn H, huyện L, tỉnh P.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/6/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Trung K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị N và anh K đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 10/8/2008 và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 10/8/2008. Khi ly hôn, chị N và anh K thống nhất thỏa thuận chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Quỳnh A kể từ ngày 07/6/2019 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị N và anh K đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp bên vợ hoặc bên chồng: Chị N và anh K đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002688 ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh P. Hoàn trả lại cho chị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- CCTHA dân sự huyện L;
- UBND thị trấn H;
- Lưu HS+ VP.

THẨM PHÁN

Đinh Việt Giang